**1. Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương - 2.000674.000.00.00.H20**

**1.1. Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết thủ tục hành chính**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trình tự thực hiện** | **Cách thức thực hiện** | **Thời gian** **giải quyết****(ngày)** | **Ghi chú** |
| **Bước 1** | **Nộp hồ sơ thủ tục hành chính** | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công (Số 85, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp)- Hoặc nộp qua bưu chính công ích- Hoặc nộp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 tại website cổng Dịch vụ công của tỉnh Đồng Tháp [*http://dichvucong.dongthap.gov.vn*](http://dichvucong.dongthap.gov.vn) | Sáng: Từ 7 giờ đến 11 giờ 30  Chiều: Từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc theo quy định |  |
| **Bước 2** | **Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính** | 1. Đối vớihồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả *(gọi tắt Bộ phận một cửa)* hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của phần mềm một cửa điện tử của tỉnh a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác theo quy định hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 02 của Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018)b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (mẫu số 03 của Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 )c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định thì công chức, viên chức Bộ phận một cửa tiếp nhận và cập nhật hồ sơ vào phần mềm một cửa điện tử và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (mẫu số 01 của Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018) và chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình | Sau khi tiếp nhận công chức/viên chức Bộ phận một cửa chuyển ngay hồ sơ trong ngày làm việc hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp nhận sau 15 giờ hàng ngày |  |
|  |  |  2. Đối với hồ sơ được nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơa) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận phải có thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần để tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ, chính xác hoặc gửi đúng đến cơ quan có thẩm quyền. Việc thông báo được thực hiện thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn tới người dân của Cổng Dịch vụ công của tỉnhb) Nếu hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầy đủ, hợp lệ thì cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận và chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình | Không quá 01 ngày kể từ ngày phát sinh hồ sơ trực tuyến |  |
| **Bước 3** | **Giải quyết thủ tục hành chính** | Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa, công chức, viên chức xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyện kết quả giải quyết thủ tục hành chính | *30 ngày* |  |
| 1. Tiếp nhận hồ sơ (Bộ phận TN&TKQ) | *0,5 ngày* |  |
| 2.Giải quyết hồ sơ |  |  |
| a) Trường hợp quy định phải thẩm tra, xác minh hồ sơ: - Công chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định; cập nhật thông tin vào hệ thống thông tin một cửa điện tử và chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho bộ phận một cửa |  |  |
| + Chuyên viên | *25 ngày* |  |
| + Lãnh đạo phòng | *02 ngày* |  |
| + Lãnh đạo Sở  | *02 ngày* |  |
| + Văn thư | *0,5 ngày* |  |
| b) Trường hợp có quy định phải thẩm tra, xác minh hồ sơĐối với hồ sơ sau khi thẩm định không đủ điều kiện giải quyết, công chức giải quyết hô sơ báo cáo cấp có thẩm quyền trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thông qua bộ phận một cửa. Thông báo được nhập vào mục trả kết quả của phần mềm một cửa điện tử. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ | Thông báo trả lại không quá *07* ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ |  |
| **Bước 4** |  **Trả hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính** | Công chức tại bộ phận một cửa trả kết quả nhập vào sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm một cửa điện tử, thực hiện như sau:- Thông báo cho tổ chức, cá nhân biết trước qua tin nhắn, thư điện tử, điện thoại hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đối với hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn quy định- Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian, địa điểm ghi trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (xuất trình giấy hẹn trả kết quả). Công chức trả kết quả kiểm tra phiếu hẹn và thu phí, lệ phí (nếu có); yêu cầu người đến nhận kết quả ký nhận vào sổ và trao kết quả. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí (nếu có) và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính; trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, khi nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận một cửa phải mang theo hồ sơ gốc để đối chiếu và nộp lại cho cán bộ tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận kết quả trực tuyến thì thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến (nếu có) | Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận một cửa theo thời gian quy địnhThời gian trả kết quả: Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30; chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc |  |

**1.2. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

\* Đối với trường hợp cấp mới:

+ Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 7 kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

+ Bản sao giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh theo quy định tại Khoản 5 Điều 16 của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014.

+ Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 16 Nghị định 83/2014/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1, Nghị định số 95/2021/NĐ-CP), kèm theo các tài liệu chứng minh.

+ Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1, Nghị định số 95/2021/NĐ-CP).

+ Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho tổng đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.

\* Trường hợp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hết hiệu lực thi hành, thương nhân phải lập hồ sơ như trường hợp cấp mới quy định tại điểm a, Khoản 3, Điều 17 Nghị định 83/2014/NĐ-CP và gửi về Sở Công Thương trước ít nhất 30 ngày làm việc, trước khi Giấy xác nhận hết hiệu lực.

 b)Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**1.3. Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**1.4. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân

**1.5. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

**1.6. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

**1.7. Phí, lệ phí**: Phí thẩm định cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

*+* Địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng

*+* Địa bàn huyện: 600.000 đồng

**1.8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điệu kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 7 kèm theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014.

**1.9. Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC:**

+ Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

*+ Có kho, bể chứa xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m3), thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.*

*+ Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.*

*+ Có hệ thống phân phối xăng dầu: tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên, trong đó có ít nhất ba (03) cửa hàng thuộc sở hữu; tối thiểu mười (10) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc các đại lý được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.”*

+ Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

 **1.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

**+** *Khoản 13, Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.*

+ Khoản 3, Điều 17 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

+ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định Sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương*.*

*+ Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.*

+ Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

+ Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ Công Thương quy định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

+ Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

+ Quyết định số 2729/QĐ-BCT ngày 03/12/2021 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới, được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

**\* Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung/thay thế.**

**1.11. Lưu hồ sơ (ISO):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | **Bộ phận lưu trữ** | **Thời gian lưu** |
| - Như mục 1.2.- Kết quả giải quyết TTHC hoặc Văn bản trả lời của đơn vị đối với hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện.- Hồ sơ thẩm định (nếu có)- Văn bản trình cơ quan cấp trên (nếu có) | Phòng Quản lý thương mại | Từ 05 năm sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở |
| Các biểu mẫu theo Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thôngtrong giải quyết thủ tục hành chính**.**  | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả | Từ 01 năm sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở |

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP**Số: /  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**………...., ngày …… tháng …… năm …….. |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

**Kính gửi:** Sở Công Thương tỉnh Đồng Tháp

Tên doanh nghiệp: ……………………………………………………..

Tên giao dịch đối ngoại: …………………………………………….

Địa chỉ trụ sở chính: ………………………………Số điện thoại: …………………; Số Fax:……………………………

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ……………Do…………………………….. cấp ngày…..tháng ….năm…

Mã số thuế: …………………………………………………………..

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo qui định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; *Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu.*

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:…………………………..

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; *Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu* các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hồ sơ cấp mới kèm theo, gồm:***1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp. 2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải kèm theo các tài liệu chứng minh.3.Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.4. Bản sao chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ của cán bộquản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu.5. Bản gốc văn bản xác nhận cấp hàng cho Tổng đại lý của thương nhân cấp hàng.\* Chú thích: - Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về Bộ Công Thươngkhi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về Sở Công Thương khi kinh doanh trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. | **Giám đốc doanh nghiệp***(Ký tên và đóng dấu)* |

**TÊN DOANH NGHIỆP**

…………………………

**BẢN KÊ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT,**

**KHO, BỂ, PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI XĂNG DẦU**

(cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện

làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu)

(có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn 01 tỉnh)

(kèm theo các tài liệu chứng minh)

**Kho, bể:**

**1**. Thuộc sở hữu doanh nghiệp: …………………………………………………….. ……………………….

Giấy CN đăng ký kinh doanh …………………………………………………..

…………………………………………………………………………………….

Tên Kho, bể chứa: ………………………………………………………………..

Địa chỉ: ……………………………………………………………………… …..

…………………………………………………………………………………….

Số lượng bể:……………………………cái.

Dung tích tối thiểu:…………………………..m3.

(kèm giấy phép xây dựng hoặc giấy CN quyền sở hữu công trình, bản vẽ thiết kế hoặc giấy CNQSD đất hoặc giấy CN quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất).

**2**. Đồng sở hữu:

Giấy CN đăng ký kinh doanh …………………………………………….

……………………………………………………………………………..

Tên Kho, bể chứa: …………………………………………………………

Địa chỉ: ………………………………………………………………….

Số lượng bể:……………………………cái.

Dung tích tối thiểu:…………………………..m3.

(kèm giấy phép xây dựng hoặc giấy CN quyền sở hữu công trình, bản vẽ thiết kế hoặc giấy CNQSD đất hoặc giấy CN quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, hợp đồng, hợp tác kinh doanh)

**3**. Thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu:

Giấy CN đăng ký kinh doanh ………………………………………………

………………………………………………………………………………

Tên Kho, bể chứa: …………………………………………………………..

Địa chỉ:………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………….

Số lượng bể: cái.

Dung tích tối thiểu: m3

Thời gian thuê:

(kèm giấy phép xây dựng hoặc giấy CN quyền sở hữu công trình, bản vẽ thiết kế hoặc giấy CNQSD đất hoặc giấy CN quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, hợp đồng thuê)

Phương tiện vận tải:

1.Thuộc sở hữu doanh nghiệp:

Giấy CN đăng ký kinh doanh ………………………………………………

………………………………………………………………………………

Tên phương tiện: ……………………………………………………………

Địa chỉ: ……………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………

Dung tích:…………………………..m3.

(kèm giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa, giấy chứng nhận đăng kiểm toàn kỹ thuận và bảo vệ môi trường phương tiện của xe, tàu vận chuyển xăng dầu)

**2**. Đồng sở hữu:

Giấy CN đăng ký kinh doanh …………………………………………………….. ………………………..

…………………………………………………………………. ………….

Tên phương tiện:……………………………………………………………

Địa chỉ:……………………………………………………………. ……….. ………………………………………………………………………….

Dung tích:…………………………..m3.

(kèm giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa, giấy chứng nhận đăng kiểm toàn kỹ thuận và bảo vệ môi trường phương tiện của xe, tàu vận chuyển xăng dầu, hợp đồng, hợp tác kinh doanh)

3. Thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu:

Giấy CN đăng ký kinh doanh ………………………………………………...

………………………………………………………………………………….

Tên phương tiện: ……………………………………………………………...

Địa chỉ: ……………………………………………………………………….

+ Dung tích m3.

Thời gian thuê:………………. (kèm giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa, giấy chứng nhận đăng kiểm toàn kỹ thuận và bảo vệ môi trường phương tiện của xe, tàu vận chuyển xăng dầu, hợp đồng thuê)

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực của bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện này.

 …………ngày….. tháng… năm…….

**Chủ doanh nghiệp**

 *Ký tên đóng dấu*

 **TÊN DOANH NGHIỆP**

…………………………

**DANH SÁCH HỆ THỐNG PHÂN PHỐI XĂNG DẦU CỦA DOANH NGHIỆP**

(Cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại GXN ĐĐK làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu)

(có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn 01 tỉnh)

(kèm theo các tài liệu chứng minh)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I.** | **Địa bàn 01 tỉnh :** |  |  |
| **A** | **Cửa hàng thuộc sở hữu** |  |  |
|  | Tên cửa hang | Địa chỉ cửa hàng | Tài liệu chứng minh (kèm giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| **B.** | **Hoặc sở hữu và đồng sở hữu** |  |  |
|  | Tên cửa hang | Địa chỉ cửa hàng | Tài liệu chứng minh (kèm giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| **C.** | **Cửa hàng thuộc các đại lý** |  |  |
|  | Tên cửa hang | Địa chỉ cửa hàng | Tài liệu chứng minh (kèm giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực của danh sách hệ thống phân phối xăng dầu này.

 …………ngày….. tháng… năm…….

 **Chủ doanh nghiệp**

 *Ký tên đóng dấu*

**Mẫu số 8**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG (1)/UBND tỉnh/thành phố….(2)**SỞ CÔNG THƯƠNG--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****------------------** |
| Số: /QĐ-…. | *…………, ngày….. tháng ….. năm ……..* |

**GIẤY XÁC NHẬN**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

*Cấp lần thứ nhất: ngày …… tháng …… năm …..*

*Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ ….: ngày …… tháng …… năm …..*

*Cấp lại lần thứ ….: ngày …… tháng …… năm …..*

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG** (1) /
**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH, THÀNH PHỐ …… (2)**

Căn cứ …………. (3) Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương (1) /Sở Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu của (4) .............;

Theo đề nghị của ……………………………………… (5) ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

1. Tên doanh nghiệp : ..................................................................................... (4)

Địa chỉ trụ sở chính: ................................................................

Số điện thoại: ............................. Fax: ............................

Tên giao dịch đối ngoại: .........................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ..................., do ………......... cấp ngày....... tháng ….. năm ……

Mã số thuế: ....................................

Đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố …………………………………….

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên doanh nghiệp: **................................................................................................**

Địa chỉ trụ sở chính: ............................................................................................

Số điện thoại: .................................................... Fax …………………………...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ................., do ………......... cấp ngày....... tháng ….. năm ……

Mã số thuế: .......................................................

**Điều 2.** ……….. (4) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số ……./2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan; *Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014*

**Điều 3.** Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu này có giá trị đến hết ngày …. Tháng … năm .........; (6) thay thế cho Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu số ......./QĐ- …. ngày …. Tháng …. Năm ….. .của Giám đốc Sở Công Thương (2) ./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**- ........ (4) ;- Sở Công Thương … (2) ;- ............;- Lưu: VT, ….. (2) . | **BỘ TRƯỞNG(1)GIÁM ĐỐC(2)**(Ký tên và đóng dấu) |

\* Ghi chú:

(1): Trường hợp Bộ Công Thương cấp Giấy xác nhận.

(2): Trường hợp Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận.

(3): Số văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương/Sở Công Thương.

(4): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

(5): Tên đơn vị trình hồ sơ.

(6): Sử dụng trong trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

(7): Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.